TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/DS-ST
Ngày: 25-02-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Út;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt: Ngân hàng, V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H; Căn cước công dân số: 096096000602 do Cục C về TTXH cấp ngày 24/4/2021 – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số: 1504/2025/UQ-VPB ngày 20/10/2025, *xin vắng mặt*).

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh ngày 01/01/1977; Căn cước công dân số: 096177010139 do Cục C về TTXH cấp ngày 24/8/2022*(vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau (nguyên là khóm C, thị trấn N huyện N, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện của Ngân hàng TMCP V trình bày:*

Hợp đồng cho vay số: LN2207286351520*:* Ngày 29/7/2022, bà Trần Thị L đã ký kết hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử số tiền 210.000.000 đồng; mục đích vay tiêu

dùng; thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/8/2025); lãi suất 39%/năm, được cố định trong suốt thời hạn vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Trần Thị L đã thanh toán 93.338.322 đồng (trong đó nợ gốc là 33.260.462 đồng, nợ lãi 60.077.860 đồng). Tổng dư nợ tính đến ngày 25/02/2026 là 462.792.534 đồng, trong đó nợ gốc là 176.739.538 đồng, nợ lãi 286.052.996 đồng. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại V1.

Hợp đồng thẻ tín dụng được mở với số thẻ 269-P-5319954 Ngày 27/7/2022, bà Trần Thị L đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử với hạn mức 15.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ đời sống, lãi suất 47,88%/năm. Thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/5/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Trần Thị L đã không thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 25/02/2026 là 44.009.760 đồng, trong đó tiền gốc là 12.617.147 đồng, tiền lãi 31.392.613 đồng.

Từ khi các khoản vay quá hạn, đại diện Ngân hàng đã liên hệ yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng nhưng ông vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng TMCP V buộc bà Trần Thị L thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng tính đến ngày 25/02/2026 tổng số tiền 506.802.294 đồng, trong đó nợ gốc là 189.356.685 đồng, nợ lãi là 317.445.609 đồng. Ngoài ra kể từ ngày 26/02/2026 trở đi bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

** Đối với bị đơn – Bà Trần Thị L:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Ngân hàng khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Trần Thị L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 05/8/2025 là 397.662.630 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nhưng tại bản tự khai đề ngày 10/02/2026, nguyên đơn thay

đổi một phần yêu cầu, về khoản tiền thanh toán có chênh lệch so với ban đầu (506.802.294 đồng). Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, Ngân hàng yêu cầu tính lãi đến ngày 25/02/2026 là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP V khởi kiện bà Trần Thị L yêu cầu thanh toán tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", bị đơn cư trú tại ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau (nguyên là khóm C, thị trấn N huyện N, tỉnh Cà Mau) nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ông Nguyễn Hoàng H có yêu cầu vắng mặt phiên xét xử vì bận công việc, yêu cầu này của ông H là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn bà Trần Thị L. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Thị L.

[2] Về nội dung vụ án.

Ngân hàng TMCP V đã cho bà Trần Thị L vay tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khoản nợ đến nay đã quá hạn nhưng bà L vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Trần Thị L đã ký kết các hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ thẻ với Ngân hàng TMCP V, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LN2207286351520, ngày 29/7/2022, bà Trần Thị L vay số tiền 210.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/8/2025); lãi suất 39%/năm, được cố định trong suốt thời hạn vay.

Hợp đồng thẻ tín dụng được mở với số thẻ 269-P-5319954 ngày 27/7/2022 325-P-6337521 ngày 07/10/2022, bà Trần Thị L vay số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ đời sống, lãi suất 47,88%/năm.

Cùng ngày ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà L các số tiền trên. Xét thấy, giao dịch giữa Ngân hàng và bà L là hợp pháp, bởi lẽ chủ thể giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, việc xác lập hợp đồng là ý chí tự nguyện của các bên, về lãi suất cho vay phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự nên làm phát sinh hiệu lực của các bên kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự.

Xét mục đích bà L vay vốn tại Ngân hàng là để tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng khoản vay bà L đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, các khoản nợ đến nay đã quá hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc bà Trần Thị L thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn vay và lãi suất tính đến ngày 25/02/2026 là: Khoản nợ vay không tài sản bảo đảm là 462.792.534 đồng, trong đó tiền gốc là 176.739.538 đồng, lãi trong hạn 190.701.997 đồng, lãi quá hạn 95.350.999 đồng; khoản nợ thẻ tín dụng là 44.009.760 đồng, trong đó tiền gốc là 12.617.147 đồng, lãi trong hạn 20.928.409 đồng, lãi quá hạn là 10.464.204 đồng, tổng cộng 506.802.294 đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là phù hợp.

Kể từ ngày 26/02/2026 bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Trần Thị L thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng khoản nợ nêu trên là không phù hợp với quy định của Luật thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vay còn nợ là 506.802.294 đồng (*Năm trăm lẽ sáu triệu tám trăm lẽ hai nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng)* trong đó tiền gốc là 189.356.685 đồng, tiền lãi trong hạn 211.630.406 đồng, lãi quá hạn 105.815.203 đồng (tính đến ngày 25/02/2026).

Kể từ ngày 26/02/2026, bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Trần Thị L phải chịu án phí là 24.272.000 đồng (tính tròn).

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Ngân hàng được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.941.566 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002082 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- Tòa án tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền